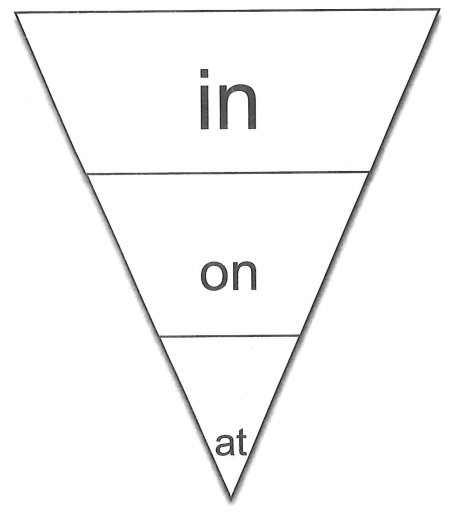
|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên đề XIII** | **GIỚI TỪ**  **PREPOSITIONS** |

**LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM**

Giới từ là từ dùng trước danh từ, cụm danh từ hoặc và nối nó với những từ khác.

**I. GIỚI TỪ CHỈ THỜI GIAN**



- giờ (4 o'clock, 6:30 pm)

- dịp lễ (Christmas, Thanksgiving)

- at noon/midday/night/midnig

- thứ trong tuần (Monday, Sunday …)

- ngày (21st April, 8th May 2023)

- on vacation/holiday/busines

- tháng, năm, mùa, thế kỉ (in 1993, in summer)

- buổi trong ngày (in the moming/ aftemoon/evening)

- các cụm từ: in the past, in the future

★ Lưu ý: Ngay cả khi có buổi trong ngày, tháng, năm nhưng khi có ngày ta vẫn dùng **on** đứng trước

**Ví dụ:** “in the morning, in 1993” hoặc “in July”

Nhưng là “on 27th, July 1993” hoặc “on Friday morning”

Ngoài ra, chúng ta còn một số giới từ thời gian khác như:

• Before: trước

• After: sau

• During: trong suốt

• By: vào, tính tới

• Until/till: cho đến

• Throughout: trải dọc/khắp nơi/trong suốt

**II. GIỚI TỪCHỈ VỊ TRÍ**

|  |  |
| --- | --- |
| in | • có nghĩa là bên trong (một khu vực kín hoặc được bao quanh)  • dùng trước quốc gia, thành phố, khu vực rộng lớn  • in front of *(đằng trước),* in the middle of *(ở giữa)* |
| on | • mang ý nghĩa là bên trên một bề mặt  • on the left/right of |
| at | • dùng trước địa điểm, khu vực cụ thể (tại/ở) |
| under | • bên dưới |
| above | bên trên, nhưng cao hơn hoặc không tiếp xúc với bề mặt |
| next to/besides/by | • kế bên/bên cạnh |
| between | ở giữa 2 người/vật |
| among | ở giữa 2 người/vật trở lên |
| behind | đằng sau |
| opposite | đối diện |
| near | gần |

**III. GIỚI TỪ CHỈ SỰ CHUYỂN ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Giới từ** | **Cách dùng** |
| on >< off | lên trên >< xuống khỏi |
| into >< out of | vào trong >< ra ngoài |
| up >< down | lên >< xuống |
| towards >< away | hướng đến >< rời khỏi |
| over | qua bên trên (hole) |
| across | băng qua bên phía còn lại, mặt phẳng (street, river) |
| through | xuyên qua phần được bao quanh hoặc kín (forest, pipe) |
| around | xung quanh |
| along | dọc theo |
| from... to | từ... đến |

Ngoài ra chúng ta còn một số giới từ khác cần lưu ý như:

🗶 about: về

🗶 of: của

🗶 for: cho

🗶 with: với

🗶 by: bằng (phương tiện)

**IV. CÁC CỤM TỪ CỐ ĐỊNH VỚI GIỚI TỪ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giới từ** | **Cụm từ** | **Nghĩa** |
| about | be excited about  to worry/be worried about  be curious about  be sorry about sth | *hào hứng về*  *lo lắng về*  *tò mò về*  *lấy làm tiếc vì* |
| at | be good/bad at sth  be amazed at sth  be mad at sb/sth | *giỏi/tệ cái gì*  *kinh ngạc về*  *tức điên lên về* |
| for | be available for  be bad/good for  be well-known/famous for  prepare for  be suitable for  be ready for  wait for sb | *có sẵn/rảnh*  *tốt/xấu cho*  *nổi tiếng vì*  *chuẩn bị cho*  *thích hợp với*  *sẵn sàng vì*  *đợi ai* |
| from | be different from  escape from  suffer from  result from  be far from  prevent sb from  protect sb from | *khác với*  *trốn thoát khỏi*  *chịu đựng*  *vì*  *xa*  *ngăn ai làm gì*  *bảo vệ ai khỏi cái gì* |
| in | be experienced in  be interested in sth/doing sth  be involved in/  get involved in  be talented in  to believe in sb/sth  to succeed in sth/doing sth | *có kinh nghiệm*  *yêu thích cái gì/làm gì có*  *liên quan đến/tham gia vào*  *liên quan đến/tham gia vào*  *tài năng về*  *tin tưởng ai/cái gì*  *thành công làm gì* |
| of | be afraid of  be fond of  be aware of  be full of  be tired of  be short of  be proud of  lack of sth  be capable of  be kind of sb | *e ngại*  *thích thú*  *có ý thức*  *đầy*  *mệt mỏi bởi*  *thiếu*  *tự hào về*  *thiếu*  *có khả năng*  *tốt bụng* |
| on | be based on  be keen on  to depend on  to focus/concentrate on | *dựa trên*  *thích thú/đam mê*  *dựa vào*  *tập trung vào cái gì* |
| to | be able to  to access to/be accessible to  be accustomed to  be addicted to  be familiar to sb  be kind to sb  be likely to  be similar to  be willing to | *có thể, có khả năng*  *truy cập/tiếp cận vào*  *quen với*  *nghiện*  *quen thuộc với ai*  *tử tế với ai*  *có thể sẽ*  *tương tự như*  *sẵn lòng* |
| with | be busy with  be bored with  be fed up with  be familiar with sth  be popular with  deal with  cope with  be satisfied with sth  be crowded with | *bận với*  *chán nản với*  *chán nản*  *quen thuộc với cái gì*  *phổ biến với*  *giải quyết*  *đương đầu với*  *hài lòng với*  *đông đúc* |

**BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

Exercise 1. Choose the correct preposition: in, on, at to fill in the blanks.

**Tra ID Đề [5202] - Tra ÍD Video [5203]**

**Question 1** [573285]: Cars were invented \_\_\_\_\_ 1886 by Carl Benz.

**Question 2** [573286]: Henry is going to meet his pen pal \_\_\_\_\_ Christmas.

**Question 3** [573287]: We work together \_\_\_\_\_ a large super-market.

**Question 4** [573288]: My family travelled to Ha Long Ba \_\_\_\_\_ your vacation.

**Question 5** [573289]: \_\_\_\_\_ the past, people usually gathered and lived in cottages.

**Question 6** [573290]: The train leaves \_\_\_\_\_ 10:30, so remember to bring your ticket with you.

**Question** 7 [573291]: Sophia’s birthday is \_\_\_\_\_ May 16th.

**Question 8** [573292]: Tom isn't here \_\_\_\_\_ the moment. He'll be back \_\_\_\_\_ five minutes.

**Question 9** [573293]: Last year, we had a wonderful skiing holiday \_\_\_\_\_ Mount. Fuji.

**Question 10** [573294]: Our project must be completed \_\_\_\_\_ the weekend. We only have 2 days.

**Question 11** [573295]: If the sky is clear, you can see the stars \_\_\_\_\_ night.

**Question 12** [573296]: The book was lying \_\_\_\_\_ the table when I left.

**Question 13** [573297]: Would you like to leave a message? Mr. Brown is busy \_\_\_\_\_ the moment.

**Question 14** [573298]: He spends most of the day sitting \_\_\_\_\_ the window and looking outside.

**Question 15** [573299]: The leaves \_\_\_\_\_ that tree are so colorful.

**Question 16** [573300]: She arrived \_\_\_\_\_ the airport just in time for her flight.

**Question 17** [573301]: The children were playing \_\_\_\_\_ the park all afternoon.

**Question 18** [573302]: The cookies are \_\_\_\_\_ the jar on the kitchen counter.

**Question 19** [573303]: He lives \_\_\_\_\_ the apartment \_\_\_\_\_ the third floor.

**Question 20** [573304]: They found a cozy café \_\_\_\_\_ the hill with a vibrant view.

Exercise 2. Circle the best correct answer (A, B, C or D) for each of following questions.

Tra ID Đề [5204] - Tra ID Video [5205]

Question 1 [573305]: The children ran \_\_\_\_\_ the field to catch the ball.

A. in B. across C. up D. out

Question 2 [573306]: She walked \_\_\_\_\_ the park to get \_\_\_\_\_ her daily exercise routine.

A. through/with B. across/from C. around/to D. along/at

Question 3 [573307]: Take your time! The meeting has been postponed \_\_\_\_\_ next Tuesday.

A. on B. until C. from D. by

Question 4 [573308]: Jimmy received a birthday gift \_\_\_\_\_ his friend.

A. to B. from C. with D. on

**Question 5** [573309]: Elon Musk was born \_\_\_\_\_ June 28th, 1971 \_\_\_\_\_ the United States

A. in/in B. on/in C. on/at D. in/at

**Question 6** [573310]: Some people were talking in the cinema \_\_\_\_\_ the film.

A. during B. in C. with D. over

**Question 7** [573311]: The store is open \_\_\_\_\_ 9 PM on weekdays.

A. until B. under C. at D. through

**Question 8** [573312]: His car had broken down and he had to come \_\_\_\_\_ taxi.

A. in B. with C. by D. on

**Question 9** [573313]: Don't walk in the street! Walk here \_\_\_\_\_ the sidewalk.

A. in B. at C. across D. on

**Question 10** [573314]: I hung the picture \_\_\_\_\_ the fireplace.

A. on B. over C. in D. above

**Question 11** [573315]: The door was locked, so Jack put the letter \_\_\_\_\_ the door.

A. into B. out of C. behind D. under

**Question 12** [573316]: I haven’t met Mr. Green \_\_\_\_\_ the summer break. He must be \_\_\_\_\_ his hometown in California.

A. in/on B. during/on C. in/at D. during/in

**Question 13** [573317]: They stayed \_\_\_\_\_ late last night to finish their project.

A. down B. under C. up D. around

**Question 14** [573318]: Would you please tell me how to get \_\_\_\_\_ the baseball park?

A. to B. on C. from D. by

**Question 15** [573319]: When the play opened \_\_\_\_\_ Philadelphia a week ago, the critics gave it positive reviews.

A. during B. in C. on D. next

**Question 16** [573320]: A dictionary has the pronunciation and meanings \_\_\_\_\_ lots of words.

A. to B. about C. in D. of

**Question 17** [573321]: When my mom was a teenager, she used to get up \_\_\_\_\_ 5:30 to get ready.

A. at B. on C. for D. in

**Question 18** [573322]: The hikers walked \_\_\_\_\_ the dense forest, following a narrow pathway.

A. through B. under C. behind D. over

**Question 19** [573323]: When hearing the sound, the cat jumped \_\_\_\_\_ the sofa and went to the kitchen.

A. on B. off C. in D. out

**Question 20** [573324]: She couldn't find her keys and searched \_\_\_\_\_ the house.

A. around B. over C. between D. under

**Question 21** [573325]: He likes to relax \_\_\_\_\_ listening to classical music.

A. with B. during C. through D. by

**Question 22** [573326]: She kept practicing \_\_\_\_\_ midnight. Finally, she could play the song perfectly.

A. until B. upon C. during D. at

**Question 23** [573327]: People in my country usually gather round \_\_\_\_\_ New Year’s Eve.

A. at B. in C. on D. to

**Question 24** [573328]: They don’t live \_\_\_\_\_ the city center but in a suburb of Ha Noi.

A. on B. at C. in D. with

**Question 25** [573329]: The children ran \_\_\_\_\_ from the storm when it started to rain heavily.

A. away B. over C. until D. across

**Question 26** [573330]: The power went out \_\_\_\_\_ the thunderstorm, so we lit candles.

A. during B. until C. by D. under

**Question 27** [573331]: We need to finish the project \_\_\_\_\_ the deadline next Friday.

A. before B. beside C. above D. after

**Question 28** [573332]: She managed to solve the quiz \_\_\_\_\_ carefully studying the clues.

A. by B. beside C. around D. with

**Question 29** [573333]: He sat \_\_\_\_\_ at the piano and began to play a beautiful melody.

A. down B. over C. through D. up

**Question 30 [**573334]: The presentation is scheduled \_\_\_\_\_ Monday afternoon.

A. in B. on C. of D. at

**Exercise 3. Circle the best correct answer (A, B, C or D) for each of following questions.**

Tra ID Đề [5206] - Tra OD Video [5207]

Question 1 [573335]: Although having prepared for it, Lucy is still \_\_\_ her upcoming presentation.

A. worried about B. involved in C. far from D. good at

Question 2 [573336]: He is keen \_\_\_\_\_ learning new languages.

A. of B. on C. to D. in

Question 3 [573337]: The chef is excited \_\_\_\_\_ creating new recipes.

A. of B. with C. by D. about

Question 4 [573338]: She is a big fan of fast food, so she is not familiar \_\_\_\_\_ this healthy lifestyle.

A. with B. to C. about D. of

Question 5 [573339]: Hana is \_\_\_\_\_ height and prefers to stay on lower floors in buildings.

A. busy with B. full of C. afraid of D. fond of

Question 6 [573340]: He seemed \_\_\_\_\_ in joining the debate club. He has been always smiling.

A. bored B. interested C. annoyed D. confused

Question 7 [573341 ]: After the heavy rain, the river was \_\_\_\_\_ water, overflowing its banks.

A. full of B. short of C. crowded with D. lack of

Question 8 [573342]: The high fence was designed to prevent the children \_\_\_\_\_ playing in the dangerous construction site.

A. in B. away C. from D. of

Question 9 [573343]: Leonardo da Vinci is \_\_\_\_\_ his masterpiece, the Mona Lisa.

A. known as B. famous for C. popular with D. similar to

Question 10 [573344]: To improve her grades, Sarah decided to concentrate \_\_\_\_\_ her studies and spend more time in the library.

A. to B. about C. with D. on

Question 11 [573345]: Sam’s parents are so proud \_\_\_\_\_ him because he just got a scholarship.

A. on B. of C. in D. about

Question 12 [573346]: Many of the stories are based \_\_\_\_\_ rumors.

A. with B. at C. on D. in

Question 13 [573347]: He is waiting \_\_\_\_\_ me at the end of the road.

A. in B. at C. for D. to

Question 14 [573348]: Pamela is fed up \_\_\_\_\_ this awful rainy weather.

A. in B. to C. in D. with

Question 15 [573349]: Don’t worry \_\_\_\_\_ the money! I’ll lend you.

A. with B. about C. for D. to

Question 16 [573350]: She's fond \_\_\_\_\_ gardening so she can spend hours with her plants every day.

A. on B. in C. of D. by

Question 17 [573351]: She was bored \_\_\_\_\_ her job and wanted a new challenge.

A. about B. with C. of D. in

Question 18 [573352]: Many people use music as a way to \_\_\_\_\_ the pressures of work and relax.

A. escape from B. focus on C. distract by D. fond of

Question 19 [573353]: The volunteers are \_\_\_\_\_ work long hours to clean up the park after the storm.

A. willing to B. full of C. addicted to D. keen on

Question 20 [573354]: Regular exercise is good \_\_\_\_\_ both physical and mental health.

A. at B. about C. with D. for

**Exercise 4. Draw a circle around the correct preposition in parentheses in the following paragraphs**

**Tra ID Đề [5208] - Tra ID Video [5209]**

***Paragraph 1***

John Doe, who graduated **(of/from)** the University of North Carolina two years ago, is now doing graduate work (in/on) engineering **(at/to)** Georgia Tech Company. He expects to receive his master’s degree next June. After that, he plans to accept a job as a technician **(by/with)** an oil company **(in/at)** South America.

***Paragraph 2***

Jim was walking **(across/over)** the campus **(in/at)** noon when he met a friend whom he had not seen **(since/during)** summer. They stopped **(in front of/around)** the class and sat down **(in/on)** the steps. After they had talked **(for/during)** about ten minutes, **Jim** said, “I must go **(toward/to)** Jefferson Hall this semester. Why don’t you drop by some afternoon after classes?”

***Paragraph 3***

Mr. Hill arrived in New York **(on/in)** May 10th **(at/on)** eight o’clock **(in/on)** the evening. He decided to call his uncle who lived on Fifth Avenue. He got on a bus **(at/of)** the station and put his coin **(on/into)** the farebox. The bus was very crowded, so Mr. Hill had to stand **(up/out)** all the way.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chuyên đề XIV** | **MỆNH ĐỀ QUAN HỆ**  **RELATIVE CLAUSES** |

**LÍ THUYẾT TRỌNG TÂM**

Mệnh đề quan hệ thường đứng sau danh từ và cho chúng ta thêm thông tin danh từ đó. Mệnh đề quan hệ được bắt đầu bằng một đại từ quan hệ hoặc trạng từ quan hệ.

**I. ĐẠI TỪ QUAN HỆ VÀ TRẠNG TỪ QUAN HỆ**

**1. Đại từ quan hệ**

**a. Who**

⮚ Chỉ người, làm chủ ngữ

Ví dụ:

The woman who is sitting near the window is my sister. *(Người phụ nữ người mà đang ngồi gần cửa sổ là chị gái tôi.)*

**b. Whom**

⮚ Chỉ người, làm tân ngữ

Ví dụ:

Lia, whom ĩ met yesterday, is a ballerina. *(Lia, người tôi đã gặp ngày hôm qua, là một vũ công ba lê.)*

**c. Which**

⮚ Chỉ vật, làm chủ ngữ và tân ngữ

Ví dụ:

+ Ha Noi, which is popular for “Phở”, is known as “The City for Peace”. (*Hà* *Nội, phổ biến với món phở, được biết đến như thành phố vì hòa bình.)*

+ The pen which she borrowed from me is my birthday present. *(Cái bút cái mà cô ấy mượn tôi là một món quà sinh nhật của tôi.)*

**d. That**

⮚ Chỉ người và vật, làm chủ ngữ và tân ngữ.

Trong mệnh đề quan hệ xác định, that có thể thay thế được cho cả who, whom, which.

Ví dụ

Anna keeps talking about the film that (which) she saw yesterday. *(Anne cứ nói về bộ phim mà cô ấy đã xem ngày hôm qua.)*

**e. Whose**

⮚ Chỉ sự sở hữu, thay thế cho tính từ sở hữu và theo sau bởi một danh từ.

Ví dụ:

The boy whose father is a doctor is very intelligent. *(Cậu bé người mà có bố là bác sĩ thì rất thông minh.)*

2. Trạng từ quan hệ

**a. When (= in, on, at which)**

⮚ Chỉ thời gian

Ví dụ:

The day when (on which) the concert takes place is Sunday. *(Ngày khi mà buổi hòa nhạc diễn ra là Chủ nhật.)*

**b. Where (= in, on, at which)**

⮚ Chỉ nơi chốn

Ví dụ:

London, where (in which) my cousin is living, is very beautiful. *(Luân Đôn, nơi mà em họ tôi đang sinh sống, thì rất hiện đại.)*

**c. Why (= for which)**

⮚ Chỉ lí do

Ví dụ:

She is the reason why I didn’t leave. *(Cô ấy là lí do mà tôi đã không rời đi.)*

**II. CÁC LOẠI MÊNH ĐỂ**

**1. Mệnh đề quan hệ xác định**

Là mệnh đề quan hệ có vai trò cung cấp thông tin quan trọng giúp xác định rõ danh từ mà nó bổ nghĩa. Những mệnh đề này không thể bị lược bỏ.

Ví dụ:

The lady who is wearing the red dress is my boss. *(Người phụ nữ người đang mặc váy đỏ là sếp của tôi.)*

Trong câu trên, nếu chúng ta lược bỏ mệnh đề quan hệ, câu sẽ còn là: ‘The lady is my boss’. Chúng ta sẽ không thể xác định được đó là người phụ nữ nào giả sử khi đó có nhiều người phụ nữ. Mệnh đề quan hệ **“who is wearing the red dress”** giúp ta xác định rõ người muốn nhắc đến là ai.

⮚ Danh từ trước mệnh đề quan hệ xác định thường có mạo từ “a”, “an”, “the”

⮚ Có thể bỏ “whom”, “which”, “that” khi chúng làm tân ngữ trong mệnh đề quan hệ xác định

Ví dụ:

The cake which I made has orange flavor. *(Cái bánh mà tôi đã làm có vị cam.)*

O S V

= The cake I made has orange flavor.

2. Mệnh để quan hệ không xác định

Là mệnh đề quan hệ có vai trò cung cấp thông tin bổ sung cho danh từ mà nó bổ nghĩa. Mệnh đề này thường được ngăn cách với mệnh đề chính bởi cặp dấu phẩy và có thể lược bỏ đi.

Ví dụ:

Tom’s house, which is 3 blocks away, was painted yesterday. *(Nhà của tôi, cái mà cách 3 dãy nhà, thì được sơn vào ngày hôm qua.)*

Trong câu trên kể cả khi chúng ta lược bỏ mệnh đề quan hệ và câu trở thành: “Tom’s house was painted yesterday.” chúng ta vẫn có thể xác định được căn nhà đó vì nó chính là nhà của Tom.

⮚ Danh từ trước mệnh đề quan hệ xác định thường là:

- Danh từ riêng: Tom, Mr. Jones,...

- Danh từ với tính từ chỉ định: this boy, that girl,...

- Danh từ với tính từ sở hữu hoặc sở hữu cách: my car, Tom’s house,...

**★ Lưu ý: không dùng THAT trong mệnh đề quan hệ không xác định.**

**III. GIỚI TỪ TRONG MỆNH ĐỀ QUAN HỆ**

Trong mệnh đề quan hệ, giới từ có 2 vị trí đứng:

1. Đứng trước đại từ quan hệ

2. Đứng sau động từ

**Ví dụ:** She is the woman about whom I told you.

She is the woman whom Ĩ told you about.

**★ Lưu ý:**

Giới từ không đứng trước that và who

Khi giới từ thuộc cụm động từ có nghĩa cố định, chúng ta không chuyển giới từ lên trước đại từ quan hệ.

Ví dụ:

The girl whom I ran into was looking for her key. *(Cô gái người mà tôi đã va phải thì đang tìm chìa khóa của cô ấy.)*

Trong câu trên, cụm “ran into” có nghĩa là va phải, nhưng khi ta tách ‘into’ khỏi ‘ran’ khi từ ran lại có nghĩa là chạy. Vậy, ‘ran into’ là một cụm động từ mang nghĩa cố định nên ta không thể tách ra được.

**IV. RÚT GỌN MỆNH ĐỀ QUAN HỆ (NÂNG CAO)**

Có ba cách cơ bản để rút gọn mệnh đề quan hệ:

**1. Rút gọn bằng Ving**

⮚ Khi mệnh đề quan hệ ở dạng chủ động

Ví dụ:

The woman who works at this company wants to find another job.

🡪 The woman working at this company wants to find another job.

*(Người phụ nữ làm việc ở công ty này muổn tìm một công việc khác.)*

2. Rút gọn bằng P2

⮚ Khi mệnh đề quan hệ ở dạng bị động

**Ví dụ:**

The trees which are planted near the fence belong to the citrus family.

🡪 The trees planted near the fence belong to the citrus family.

*(Những cây được trồng gần hàng rào thuộc họ cam quýt.)*

**3. Rút gọn bằng to - V**

Khi đại từ quan hệ làm chủ ngữ có các yếu tố sau:

+ Số thứ tự: the first, the second, the next, the only,...

+ So sánh nhất: the oldest, the youngest, the most beautiful, ...

Ví dụ:

Steve was the last man who left the burning building.

🡪 Steve was the last man to leave the burning building.

*(Steve là người cuối cùng rời tòa nhà đang cháy.)*

**V. CÁCH KẾT HỢP CÂU DÙNG ĐẠI TỪ QUAN HỆ**

**Bước 1:** Xác định phần giống nhau giữa hai mệnh đề, câu.

**Bước 2:** Viết mệnh đề 1 và tìm đại từ, trạng từ quan hệ phù hợp để đặt sau nó.

**Bước 3:** Bỏ đi các phần mà đại từ quan hệ đã thay thế để tránh lặp lại.

**Ví dụ:** Kết hợp 2 câu sau bằng mệnh đề quan hệ:

The books are very interesting. They were bought a long time ago.

*(Những quyển sách rất thú vị. Chúng được mua lâu rồi.)*

Phần giống nhau: the books = they: những quyển sách

Viết lại: The books which they were bought long time ago are very interesting.

Bỏ đi các phần đã thay thế: The books which were bought long time ago are very interesting. *(Những quyển sách cái mà được mua lâu rồi thì rất thú vị.)*

**BÀI TẬP TỰ LUYỆN**

**Exercise 1. Fill in the blanks with who, whom, which, that, whose, when, where, why.**

**Tra ID Đề [5211] - Tra ID Video [5212]**

**Question 1** [573355]: The book \_\_\_\_\_\_\_\_ I borrowed from the library missed several pages.

**Question 2** [573356]: This is the house \_\_\_\_\_\_\_\_ they used to live.

**Question 3** [573357]: Do you remember the time \_\_\_\_\_\_\_\_ we first met?

**Question 4** [573358]: The reason \_\_\_\_\_\_\_\_ she resigned is still unclear.

**Question 5** [573359]: He is writing something \_\_\_\_\_\_\_\_ may be published.

**Question ố** [573360]: Do you know the person \_\_\_\_\_\_\_\_ owns that fancy car \_\_\_\_\_\_\_\_ parked outside?

**Question 7** [573361]: The restaurant \_\_\_\_\_\_\_\_ we had dinner last night specializes in seafood.

**Question 8** [573362]: He gave me the keys \_\_\_\_\_\_\_\_ open the main gate.

**Question** 9 [573363]: The girl \_\_\_\_\_\_\_\_ you were talking to is my sister.

**Question 10** [573364]: This is the reason \_\_\_\_\_\_\_\_ I am late. I missed the bus.

**Question 11** [573365]: The hotel \_\_\_\_\_\_\_\_ we stayed in was very luxurious.

**Question 12** [573366]: She wore the dress \_\_\_\_\_\_\_\_ I gave her as a birthday present.

**Question 13** [573367]: This is the day \_\_\_\_\_\_\_\_ we are supposed to submit our assignments.

**Question 14** [573368]: The artist \_\_\_\_\_\_\_\_ paintings are displayed in the gallery won several awards.

**Question 15** [573369]: This is the restaurant \_\_\_\_\_\_\_\_ we had our first date.

**Question 16** [573370]: The book \_\_\_\_\_\_\_\_ you recommended is quite interesting.

**Question 17** [573371]: Is there any explanation \_\_\_\_\_\_\_\_ she left the party early?

**Question 18** [573372]: Emma and the bird \_\_\_\_\_\_\_\_ appeared in the competition yesterday are good partners.

**Question 19** [573373]: The dog \_\_\_\_\_\_\_\_ chased the cat belongs to our neighbor.

**Question 20** [573374]: The student \_\_\_\_\_\_\_\_ I gave the scholarship worked hard throughout the semester.

Exercise 2. Circle the best correct answer (A, B, C or D) for each of following questions.

**Tra ID Đề [5213] - Tra ID Video [5214]**

**Question** 1 [573375]: This is the city \_\_\_\_\_\_\_\_ she grew up.

A. that B. where C. which D. whose

**Question 2** [573376]: Is there a reason \_\_\_\_\_\_\_\_ she didn't attend the meeting?

A. why B. who C. which D. that

**Question 3** [573377]: Hue, \_\_\_\_\_\_\_\_ he visited last summer, is known for its historical sites.

A. where B. whose C. which D. that

**Question 4** [573378]: Do you know the person \_\_\_\_\_\_\_\_ wallet was found in the park?

A. who B. whose C. which D. whom

**Question 5** [573379]: This is the place \_\_\_\_\_\_\_\_ we had our honeymoon.

A. where B. which C. who D. that

**Question 6** [573380]: We saw the girl \_\_\_\_\_\_\_\_ you talked to yesterday.

A. which B. whom C. when D. whose

**Question 7** [573381]: She talked about the books and the authors \_\_\_\_\_\_\_\_ interested her.

A. who B. that C. which D. whom

**Question 8** [573382]: The knife \_\_\_\_\_\_\_\_ we cut meat is very sharp.

A. with that B. which C. with which D. that

**Question 9** [573383]: Do you know the person \_\_\_\_\_\_\_\_ phone number was on the contact list?

A. whose B. who C. which D. whom

**Question 10** [573384]: The year \_\_\_\_\_\_\_\_ he died was full of natural disasters.

A. on which B. which C. in which D. where

**Question 11** [573385]: She finally met the scientist \_\_\_\_\_\_\_\_ research has revolutionized modem medicine.

A. that B. whose C. who D. which

**Question 12** [573386]: Is that the restaurant \_\_\_\_\_\_\_\_ serves the famous seafood pasta?

A. where B. which C. who D. what

**Question 13** [573387]: She listed three reasons \_\_\_\_\_\_\_\_ people get into debt.

A. what B. why C. when D. which

**Question 14** [573388]: The parcel arrived in the post at 11 am, \_\_\_\_\_\_\_\_ I was still at work.

A. who B. that C. which D. when

**Question 15** [573389]: John won $20,000, half of \_\_\_\_\_\_\_\_ he gave to his parents.

A. it B. whom C. which D. that

**Question 16** [573390]: The floor \_\_\_\_\_\_\_\_ which I am living is not in very good condition.

A. in B. on C. at D. for

**Question 17** [573391]: The athlete \_\_\_\_\_\_\_\_ celebrated with her team.

A. breaking the world record B. broke the world record

C. which broke the world record D. whom broke the world record

**Question 18** [573392]: The mountain \_\_\_\_\_\_\_\_ they climbed is the tallest in the region.

A. in which B. to where C. to that D. on which

**Question 19** [573393]: She told me she didn’t have any money, \_\_\_\_\_\_\_\_ was a pity.

A. which B. that C. this D. it

**Question 20** [573394]: That bar on Milton Street, \_\_\_\_\_\_\_\_ by the way is very nice, is owned by Trevor's brother.’

A. where B. which C. that D. on which

**Question 21** [573395]: The man \_\_\_\_\_\_\_\_ car broke down yesterday is my neighbor.

A. whose B. who C.which D. whom

**Question 22** [573396]: She likes the president, \_\_\_\_\_\_\_\_ she once described as a gentle man.

A. whom B. which C. who D. what

**Question 23** [573397]: Her mother, \_\_\_\_\_\_\_\_ she relied, said she would support her for good.

A. on which B. on whom C. in that D. in whom

**Question 24** [573398]: Is this the place \_\_\_\_\_\_\_\_ we're supposed to meet tomorrow?

A. which B. whom C. where D. who

**Question 25** [573399]: He called James, \_\_\_\_\_\_\_\_ was a good friend as well as the family doctor.

A. whom B. who C. that D. which

**Question 26** [573400]: The city \_\_\_\_\_\_\_\_ I love is Ha Noi.

A. that B. where C. when D. in which

**Question 27** [573401]: It's the house \_\_\_\_\_\_\_\_ door is painted red.

A. which B. whose C. in which D. at which

**Question 28** [573402]: The book \_\_\_\_\_\_\_\_ became a bestseller.

A. written by J.K. Rowling B. that J.K. Rowling wrote it

C. J.K. Rowling's writing D. which written by J.K. Rowling

**Question 29** [573403]: I'll never understand \_\_\_\_\_\_\_\_ she did what she did.

A. of which B. on which C. for which D. at which

**Question 30** [573404]: The part of town \_\_\_\_\_\_\_\_ I live is very noisy at night, \_\_\_\_\_\_\_\_ makes it difficult to sleep.

A. that/which B. where/which C. that/that D. which/which

**Question 31** [573405]: The girl \_\_\_\_\_\_\_\_ was awarded a scholarship.

A. winning the competition B. won the competition

C. which won the competition D. to win the competition

**Question 32** [573406]: Pamela was the only person \_\_\_\_\_\_\_\_ him.

A. realizing B. realized C. who is realized D. to realize

**Question 33** [573407]: All the astronauts \_\_\_\_\_\_\_\_ the earth in space capsules are weightless.

A. orbiting B. orbited C. to orbit D. who orbits

**Question 34** [573408]: The party, \_\_\_\_\_\_\_\_ she didn’t go, was extremely joyful.

A. at that B. at which C. to that D. to which

**Question 35** [573409]: The Titanic, \_\_\_\_\_\_\_\_ sank in 1922, was supposed to be unsinkable.

A. whose B. that C. which D. who

**Question 36** [573410]: George has a lot of milk in the fridge, \_\_\_\_\_\_\_\_ he hasn’t drunk yet.

A. most of that B. most of these C. most of which D. which most of them

**Question 37** [573411]: The new hospital, \_\_\_\_\_\_\_\_ will start constructing next year, is expected to have 3000 rooms.

A. what B. where C. when D. which

**Question** **38** [573412]: She's one of those people \_\_\_\_\_\_\_\_ love to be the center of attention.

A. whom B. what C. who D. which

**Question** **39** [573413]: The park \_\_\_\_\_\_\_\_ we used to play as children has been renovated.

A. which B. in where C. that D. at which

**Question 40** [573414]: He finally realized the moment \_\_\_\_\_\_\_\_ he had made a mistake.

A. where B. why C. when D. who

**Exercise 3.** **Combine two sentences using relative clauses.**

**Tra ID Đề [5215] - Tra ID Video [5216]**

**Question 1** [573415]: This man is an IT developer. He lives next door.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 2** [573416]: The book was a lovely story. I was reading it yesterday.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 3** [573417]: The boy was Tom. I met him at school yesterday.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 4** [573418]: Miami often has hurricanes. My aunt lives here.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Question 5 [573419]: The man is very rich. His car is a Ferrari.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Question 6 [573420]: The flight was canceled. We were going to take it.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 7** [573421]: The manager employed the violinist. Sarah introduced him.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 8** [573422]: We stayed at Moonlight Hotel. We first met here.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question** 9 [573423]: Christmas is a special occasion in Western countries. Christmas happens in December.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Question 10 [573424]: Elly sent me a letter. It was very funny.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 11** [573425]: Elly sent me a letter. She is very funny.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 12** [573426]: Jim plays the main character in the film. His mom is the director.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 13** [573427]: The bakery sells delicious pastries. I visit it every weekend.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 14** [573428]: My uncle bought a boat. The boat costs thirty thousand dollars.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 15** [573429]: The doctor is very famous. My mother knows him very well.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Exercise 4.** **Use reduced relative clauses in place of the relative clauses.**

**Tra ID Đề [5217] - Tra ID Video [5218]**

**Question 1** [573430]: The book that I borrowed from the library was incredibly informative.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 2** [573431]: Trump Building, which was built in 1930, has 58 floors.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 3** [573432]: She was the last person that was interviewed this morning.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 4** [573433]: The car which was parked outside had a flat tire.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 5** [573434]: Mr. Parker is the most suitable manager who can take on this job.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 6** [573435]: The plays which were written by William Shakespeare are interesting.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 7** [573436]: Tom was the last student who left the room.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 8** [573437]: The sport event which was held in 2014 in Brazil were World Cup.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 9** [573438]: Uncle Ho, who was the first president of Vietnam, is a symbol of patriotism.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 10** [573439]: The man who was caught by the police last night was a criminal.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 11** [573440]: I stayed in a cozy room which overlooked the garden.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 12** [573441]: The boy who was attacked by a dog was taken to hospital.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 13** [573442]: Jack is the first person who was chosen for the team.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 14** [573443]: The people that exercised every day lost the most weight.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Question 15** [573444]: The elephant, which was born in the local zoo, was a female.

🡪 \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**Topic 7**

CITY LIFE

**1. TỔNG HỢP TỪ VỰNG CẦN NHỚ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Từ** | **Từ loại** | **Nghĩa** |
| 1 | accident | n | *tai nạn* |
| 2 | apartment | n | *căn hộ* |
| 3 | asset | n | *của cải, tài sản* |
| 4 | attract  attractive | v  adj | *thu hút*  *hấp dẫn, thu hút* |
| 5 | authority | n | *chính quyền* |
| 6 | ban  = forbid | v  v | *cấm*  *cấm* |
| 7 | bustling  hustle and bustle | adj  phr | *náo nhiệt*  *xô bồ, náo nhiệt* |
| 8 | city planner | np | *người quy hoạch* |
| 9 | commuter | n | *người di chuyến* |
| 10 | concrete jungle | np | *khu vực nhiều tòa nhà cao tầng* |
| 11 | construct  construction | v  n | *xây dựng*  *việc xây dựng* |
| 12 | convenient  >< inconvenient | adj  adj | *thuận tiện*  *>< bất tiện* |
| 13 | the cost of living | phr | *chi phí sinh hoạt* |
| 14 | crime  criminal | n  n | *tội ác*  *tội phạm (người)* |
| 15 | crowded | adj | *đông đúc* |
| 16 | charge | v | *sạc* |
| 17 | discount | n | *sự giảm giá* |
| 18 | downtown  >< suburb | n  n | *trung tâm (đô thị)*  *ngoại ô* |
| 19 | drawback | n | *bất cập* |
| 20 | dusty | adj | *đầy bụi* |
| 21 | (city) dweller | n | *cư dân* |
| 22 | easy-going | adj | *thoải mái* |
| 23 | eco-friendly | adj | *thân thiện với môi trường* |
| 24 | electric  electrical  electricity | adj  adj  n | *dùng điện*  *(liên quan) điện*  *điện* |
| 25 | exhaust | n | *khí thải* |
| 26 | facility | n | *cơ sở vật chất* |
| 27 | get around | vp | *thăm quan xung quanh* |
| 28 | healthcare | n | *chăm sóc sức khỏe* |
| 29 | homeless | adj | *vô gia cư* |
| 30 | implement | V | *thực hiện, tiến hành* |
| 31 | individual | n | *cá nhân* |
| 32 | itchy | adj | *ngứa* |
| 33 | leftover | n | *đồ ăn thừa* |
| 34 | liveable (livable) | adj | *đáng sống* |
| 35 | lively | adj | *sống động* |
| 36 | loud | adj | *to (âm thanh)* |
| 37 | metro | n | *hệ thống tàu diện ngầm* |
| 38 | modern | adj | *hiện đại* |
| 39 | narrow | adj | *hẹp* |
| 40 | noise  noisy | n  adj | *tiếng ồn*  *ồn ào* |
| 41 | opportunity  = chance | n  n | *cơ hội*  *cơ hội* |
| 42 | owner | n | *chủ sở hữu* |
| 43 | pack | v | *gói đồ* |
| 44 | pavement  = sidewalk | n  n | *vỉa hè*  *vỉa hè* |
| 45 | pedestrian | n | *người đi bộ* |
| 46 | population  populous | n  adj | *dân số*  *đông dân* |
| 47 | potential | adj | *tiềm năng* |
| 48 | pricey | adj | *đắt đỏ* |
| 49 | public amenities | np | *tiện ích công cộng* |
| 50 | public transport  *><* private vehicle | np  np | *phương tiện công cộng*  *>< phương tiện cá nhân* |
| 51 | rapid | adj | *nhanh chóng* |
| 52 | reliable | adj | *đáng tin cậy* |
| 53 | resident | n | *cư dân* |
| 54 | rush hour | np | *giờ cao điểm* |
| 55 | security | n | *bảo an, sự an toàn* |
| 56 | silent | adj | *im lặng* |
| 57 | site | n | *khu* |
| 58 | skillful | adj | *khéo léo* |
| 59 | solution | n | *giải pháp* |
| 60 | stuck | adj | *mắc kẹt* |
| 61 | strange  stranger | adj  n | *lạ lùng*  *người lạ* |
| 62 | traffic jam  = traffic congestion | np  np | *tắc đường*  *tắc đường* |
| 63 | underground | n | *tàu điện ngầm* |
| 64 | urban  >< rural | adj  adj | *đô thị*  *>< vùng quê* |

**2. TỔNG HỢP CẤU TRÚC CẦN NHỚ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm** | **Nghĩa** |
| 1 | a lack of sth = lack sth | *thiếu* |
| 2 | be packed with sth | *chật ních với* |
| 3 | cany out | *tiến hành* |
| 4 | cut down on | *cắt giảm* |
| 5 | enable sb to V | *cho phép, trao khả năng cho ai làm gì* |
| 6 | encourage sb to V | *khuyến khích ai làm gì* |
| 7 | expect to V | *mong đợi* |
| 8 | fancy + V-ing | *muốn làm gì* |
| 9 | make sb/sth + adj | *làm aio/cái gì thế nào* |
| 10 | succeed in + V-ing = manage to V | *thành công làm gì/ cố gắng hoàn thành việc gì* |
| 11 | struggle to v/with V-ing | *khó khăn trong việc gì* |
| 12 | turn sth into sth | *biến cái gì thành cái gì* |

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Exercise 1. Circle the best correct answer (A, B, C or D) for each of following questions.

**Tra ID Đề [5222] -Tra ID Video [5223]**

**Question 1** [574259]: Many people prefer living in \_\_\_\_\_\_ environments due to the convenience of amenities and services.

A. countryside B. rural C. urban D. noisy

**Question 2** [574260]: Tokyo is known for being one of the most \_\_\_\_\_\_ cities globally, with millions of residents.

A. fresh B. urbanized C. populous D. industrialized

**Question 3** [574261]: Rush hours make \_\_\_\_\_\_ worse because commuters flood the roads during peak travel times.

A. pedestrian walking B. urban sprawl

C. cycling lanes D. traffic congestion

**Question 4** [574262]: The shopping mall is \_\_\_\_\_\_ with holiday shoppers looking for gifts and coupons.

A. packed B. full C. built D. pushed

**Question 5** [574263]: The farmer coughed a lot when he worked in the \_\_\_\_\_\_ field.

A. large B. rocky C. dusty D. fresh

**Question 6** [574264]: In many urban areas, \_\_\_\_\_\_ plays an important role in reducing traffic congestion and pollution.

A. private cars B. taxis C. bicycles D. public transport

**Question 7** [574265]: The city planners are implementing measures to make the downtown area more \_\_\_\_\_\_ for residents and visitors.

A. congested B. polluted C. liveable D. industrialized

**Question 8** [574266]: Charging stations for \_\_\_\_\_\_ vehicles are being installed in urban centers to support the growing demand for clean transportation.

A. diesel B. biogas C. electrical D. electric

**Question 9** [574267]: The city's vibrant cultural scene helps to \_\_\_\_\_\_ tourists from all over the world.

A. prevent B. attract C. ban D. stuck

**Question 10** [574268]: Many people dream of escaping the hustle and bustle of the \_\_\_\_\_\_ and living in the countryside.

A. concrete jungle B. hot desert C. rainforest D. mountain range

**Question 11** [574269]: The new stadium \_\_\_\_\_\_ includes tennis courts, swimming pools, and a fitness center.

A. park B. facility C. technology D. factory

**Question 12** [574270]: Cities are finding solutions to improve \_\_\_\_\_\_ safety, such as adding crosswalks and widening sidewalks.

A. bicycle B. pedestrian C. vehicle D. scooter

**Question 13** [574271]: The construction site next to our apartment building has been very \_\_\_\_\_\_ lately.

A. peaceful B. calm C. noisy D. silent

**Question 14** [574272]: The school playground lacks the joyful sounds of children playing in the summer break, making it \_\_\_\_\_\_.

A. silent B. calm C. noisy D. peaceful

**Question 15** [574273]: The \_\_\_\_\_\_ system in major cities provides convenient transportation that can bring you from city to city easily in a short time.

A. taxi B. bus C. underground D. vehicle

**Question 16** [574274]: The apartment's location in the city center makes it more famous but also \_\_\_\_\_\_ compared to similar places in the suburbs.

A. eco-friendly B. pricey C. affordable D. inexpensive

**Question 17** [574275]: Mosquito bites often leave me with red, \_\_\_\_\_\_ bumps.

A. loud B. soothing C. gentle D. itchy

**Question 18** [574276]: Please make sure to book your tickets well \_\_\_\_\_\_ advance to secure your seats for the event.

A. for B. on C. of D. in

**Question 19** [574277]: Many cities struggle with providing needs for \_\_\_\_\_\_ people, including access to healthcare and public services.

A. wealthy B. homeless C. employed D. lucky

**Question 20** [574278]: The city’s \_\_\_\_\_\_ attracts people from all over the world with its clubs, bars, and live music venues.

A. daytime B. nightlife C. afternoon D. morning

**Question 21** [574279]: The \_\_\_\_\_\_ atmosphere of the street market drew in visitors from all over the city.

A. quiet B. silent C. lively D. liveable

**Question 22** [574280]: Travelling long distances for work in a bustling city can leave individuals physically and mentally \_\_\_\_\_\_.

A. refreshed B. attractive C.recharged D. exhausted

**Question 23** [574281]: Renting a(n) \_\_\_\_\_\_ in the city can be more affordable than owning a house, especially for young people.

A. castle B. apartment C. penthouse D. pavement

**Question 24** [574282]: Many hi-tech cities are well-known for their impressive skyscrapers and other \_\_\_\_\_\_ architecture.

A. historic B. traditional C. modem D. ancient

**Question 25** [574283]: City residents should always be cautious when crossing busy streets to avoid \_\_\_\_\_\_.

A. strangers B. accidents C. traffic lights D. incidents

**Question 26** [574284]: In some cities, it is \_\_\_\_\_\_ to litter in public spaces to maintain cleanliness.

A. allowed B. forbidden C. permitted D. encouraged

**Question 27** [574285]: City parks provide residents with \_\_\_\_\_\_ where they can relax and do the workout.

A. green spaces B. skyline C. gardening jobs D. natural resources

**Question 28** [574286]: The city's \_\_\_\_\_\_ has been decreasing over the past few years, thanks to the efforts of police force.

A. traffic B. pollution C. crime D. noise

**Question 29** [574287]: City residents have access to a variety of \_\_\_\_\_\_ services, including hospitals and clinics.

A. transportation B. entertainment C. healthcare D. education

**Question 30** [574288]: The \_\_\_\_\_\_ system in the city is known for its extensive network connecting various neighborhoods.

A. tram B. ferry C. metro D. taxis

**Exercise 2.** **Match the sentence halves.**

**Tra ID Đề [5224] - Tra ID Video [5225]**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Because of traffic congestion, | a. is quite strange to a countryman. |
| 2. Residents move to suburbs | b. very attractive. |
| 3. The hustle and bustle in pace of life | c. to have lower cost of living. |
| 4. Besides modem public amenities, | d. residents are encouraged to limit private vehicles. |
| 5. With the convenience of public transportation, | e. you can get around the city without worry about gasoline cost. |

**Answer:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1.** | **2.** | **3.** | **4.** | **5.** |

**Exercise 3. Fill in the blanks with the suitable given words.**

**Tra ID Đề [5226] - Tra ID Video [5227]**

***Paragraph 1***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***authority*** | ***accidents*** | ***encourages*** | ***bustling*** | ***solutions*** |

In the city, life is always (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ with activity in both daytime and nightlife. Sometimes, there are (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ on the streets or problems with criminals, but the local (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ is making efforts to keep everyone safe. Despite these challenges, the city (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ people to chase their dreams and enjoy its vibrant atmosphere. Even though it can be crowded, there are always (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and excitement waiting around every comer.

***Paragraph 2***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***liveable*** | ***facilities*** | ***convenient*** | ***nose*** | ***enjoyable*** |

People in the city have busy lives and are always on the move. Because it's (1) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ and there are plenty of activities to do, they decided to live there. A pleasant park or a reliable transit may sometimes make a place feel more (2) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. With all the traffic and pollution, though, you may occasionally develop a runny (3) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_. Cities nevertheless provide all (4) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ you want. Stores, schools, and entertainment venues are all present. Therefore, city living is (5) \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ even with a few issues!

***Paragraph 3***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***rooftop gardens*** | ***limit*** | ***rush hour*** | ***public amenities*** | ***opportunities*** |

Urban life is noisy and dynamic, with its population seeking out new (1)and connections. As cities work to balance development and preservation, eco-friendly ideas - from (2)to renewable energy projects - are becoming more and more important among the concrete jungles. With the growth of cities, (3)such as parks, shopping malls and public transportation networks offer a comfortable pace of life. However, (4) continues to be a nightmare of commuters, leading to congestion on many routes. Governments are implementing some new laws to (5)the existence of private vehicles.

**Exercise 4. Rewrite the following sentences by using the word in the brackets.**

**Tra ID Đề [52281- Tra ID Video [5229]**

**Question 1** [574289]: The concert hall was filled with excited fans waiting for the performance. (PACKED)

🡪 The concert hall

**Question 2** [574290]: The city has reduced the crime rate successfully. (MANAGE)

🡪 The city

**Question 3** [574291]: Residents of the city are trying to decrease using cars to reduce traffic jam. (CUT)

🡪 Residents

**Question 4** [574292]: Many urban dwellers find it difficult to afford housing due to high rent prices. (WITH)

🡪 Many urban dwellers

**Question 5** [574293]: The museum was changed into a stadium by the local authority. (TURN)

🡪 The local authority

**Question 6** [574294]: Are you interested in grabbing a meal after work? (FANCY)

🡪

**Question 7** [574295]: The coach inspired the team to try their best. (ENCOURAGED)

🡪 The team

**Question 8** [574296]: Homeless people usually do not have enough money to buy food. (LACK)

🡪 Homeless people

**Question 9** [574297]: She managed to finish the marathon despite the difficult weather conditions. (IN)

🡪 She

**Question 10** [574298]: She had a hard time understanding the traffic system. (STRUGGLED)

🡪 She

**Exercise 5.** **Write one suitable word in each blank.**

**Tra ID Đề [5232] - Tra ID Video [5233]**

**Question 1** [583472]:

a. However, the noise and congestion of city life can be overwhelming for some people.

b. Additionally, the availability of public transportation and various services can make daily life more convenient.

c. Living in a big city has both advantages and disadvantages.

d. Therefore, you should think carefully before deciding to live in a big city.

e. One of the biggest advantages of urban living is the access to a wide range of amenities and entertainment options.

f. The higher living cost is also a problem if you want to live there for a long time.

A. c-e-a-b-f-d B. c-f-a-e-b-d C. c-f-b-a-e-d D. c-e-b-a-f-d

**Question 2** [583473]:

a. Accessing to quality healthcare facilities is the third advantage, with numerous hospitals available for medical needs.

b. Therefore, it allows residents to enjoy diverse dining and shopping experiences.

c. Living in the city provides a lot of conveniences to our lives.

d. Additionally, urban areas often have a wide variety of restaurants and shops.

e. First, cities offer excellent public transportation systems, making it easier to commute and travel without needing a personal vehicle.

f. In short, living in the city adds many comforts to our life including commuting, cultural experiences and public amenities.

A. c-e-a-d-b-f B. e-d-c-a-b-f C. c-e-d-b-a-f D. c-e-b-a-d-f

**Question 3** [583474]:

a. Lastly, urban areas can be crowded, making public spaces and services less accessible and less enjoyable.

b. In fact, it can take twice as long to get to work if you are stuck in traffic.

c. In summary, while city living offers many benefits, it also comes with disadvantages such as pollution, high living costs, and congestion.

d. To start with, cities often suffer from high levels of air and noise pollution, which can negatively impact residents' health and quality of life.

e. Living in urban areas can pose unpredictable dangers for people.

f. Traffic congestion is another common problem, leading to longer commute times and increased stress for city dwellers.

A. e-f-d-b-a-c B. e-d-f-b-a-c C. e-d-f-a-b-c D. e-d-b-f-a-c